**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**NỘI DUNG KIẾN THỨC BỘ MÔN TOÁN**

**KHỐI LỚP 8 – NĂM HỌC 2021-2022**

**Tuần 13: từ ngày 29/11 đến ngày 04/12/2021**

**\* LƯU Ý:**

Học sinh **học trực tuyến trên Google Meet theo TKB; xem lại bài dạy và làm bài trên K12Online**: để được giáo viên hướng dẫn cụ thể, kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học, được trao đổi - thảo luận bài cùng bạn trong lớp và được ghi nhận quá trình học tập chi tiết.

**PHẦN I: ĐẠI SỐ**

**PHÉP CỘNG CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**PHẦN II: HÌNH HỌC**

**DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT – LUYỆN TẬP**

**DIỆN TÍCH TAM GIÁC – LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung học sinh cần làm**  **(Theo sự hướng dẫn giáo viên)** | **Hướng dẫn** |
| **I./ PHẦN ĐẠI SỐ:** |  |
| **PHÉP CỘNG CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**   1. **Cộng hai phân thức cùng mẫu**   **\*Quy tắc: SGK/44**  **Ví dụ.** Cộng hai phân thức:  Giải    **?1** Thực hiện phép cộng:  **2. Cộng hai phân thức có mẫu thức khác nhau**  **?2** Thực hiện phép cộng:    **\*Quy tắc (SGK trang 45)**  **Ví dụ 2.** Làm tính cộng:    **Giải**  Ta có:      **?3.** Thực hiện phép cộng    **Chú ý: SGK/45**  **?4** Áp dụng các tính chất trên đây của phép cộng các phân thức để làm phép tính sau: | ?**1**    **?2**  **Ta có:**    **?3**      **?4** |
| **Bài 21c) Sgk trang 46**    **Bài 22b) Sgk trang 46**    **Bài 23b) Sgk trang 46** | **Bài 21c) Sgk trang 50**    **Bài 22b) Sgk trang 46**    **Bài 23b) Sgk trang 46**  Ta có:  giữ nguyên      MTC: |
| **LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG TRỪ CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**  **Bài 1.** Thực hiện phép tính:    **Bài 2.** Thực hiện phép tính:      **Bài 3.** Thực hiện phép tính: | **Bài 1**        **Bài 2**        **Bài 3** |
| **Bài tập khuyến khích học sinh làm**  Bài 21 a, b Sgk trang 46  Bài 22a Sgk trang 46  Bài 23 a, c Sgk trang 46  Bài 25 Sgk trang 47 |  |
| **II./ PHẦN HÌNH HỌC** |  |
| **DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT – LUYỆN TẬP**  **I. Diện tích hình chữ nhật**   * + - 1. **Khái niệm diện tích đa giác** * Số đo của phần mặt phẳng giới hạn bởi một đa giác được gọi là diện tích đa giác đó. * Mỗi đa giác có một diện tích xác định. Diện tích đa giác là một số dương   **\* Tính chất: SGK/117**  **2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật**   |  |  | | --- | --- | | Diện tích hình chữ nhật bằng tích hai kích thước của nó.  S = a. b |  |   **3.Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông**   |  |  | | --- | --- | | Diện tích hình vuông bằng bình phương cạnh của nó:  S = a2  Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông: |  |   **Bài 6 trang 118 SGK**   Diện tích hình chữ nhật thay đổi như thế nào nếu:  a) Chiều dài tăng 2 lần, chiều rộng không đổi?  b) Chiều dài và chiều rộng tăng 3 lần?  c) Chiều dài tăng 4 lần, chiều rộng giảm 4 lần?  **Bài 7 trang 118 SGK**  Một gian phòng có nền hình chữ nhật với kích thước là 4,2m và 5,4m, có một cửa sổ hình chữ nhật kích thước là 1m và 1,6m và một cửa ra vào hình chữ nhật kích thước 1,2m và 2m.  Ta coi một gian phòng đạt mức chuẩn về ánh sáng nếu diện tích các cửa bằng 20% diện tích nền nhà. Hỏi gian phòng trên có đạt mức chuẩn về ánh sang hay không?  **II. Luyện tập**  **Bài 9 trang 119 SGK**   ABCD là một hình vuông cạnh 12cm, AE = x (cm) (h123). Tính x sao cho diện tích tam giác ABE bằng 1/3 diện tích hình vuông ABCD.    **Bài 10 trang 119 SGK**  Cho một tam giác vuông. Hãy so sánh tổng diện tích của hai hình vuông dựng trên hai cạnh góc vuông với diện tích hình vuông dựng trên cạnh huyền. | **Bài 6 trang 118 SGK**  Giả sử hình chữ nhật ban đầu có chiều dài là a, chiều rộng là b  ⇒ Diện tích: S = a.b  a) Chiều dài tăng 2 lần, chiều rộng không đổi  ⇒ a’ = 2a, b’ = b  ⇒ S’ = a’.b’ = 2a.b = 2ab = 2.S  ⇒ Diện tích tăng 2 lần.  b) Chiều dài và chiều rộng tăng 3 lần  ⇒ a’ = 3a; b’ = 3b  ⇒ S’ = a’.b’ = 3a.3b = 9ab = 9S  ⇒ Diện tích tăng 9 lần  c) Chiều dài tăng 4 lần, chiều rộng giảm 4 lần  ⇒ a’ = 4a; b’ = b/4.  ⇒ S’ = a’.b’ = 4a.b/4 = ab = S  ⇒ Diện tích không đổi.  **Bài 7 trang 118 SGK**  Diện tích nền nhà: S = 4,2.5,4 = 22,68 (m2)  Diện tích cửa sổ: S1 = 1.1,6 = 1,6 (m2)  Diện tích cửa ra vào: S2 = 1,2.2 = 2,4 (m2)  Diện tích các cửa: S' = S1 + S2 = 1,6 + 2,4 = 4 (m2)  Để học tốt Toán 8 | Giải toán lớp 8  Vậy gian phòng không đạt mức chuẩn về ánh sáng.  **Bài 9 trang 119 SGK**  Diện tích tam giác vuông ABE là:  Giải bài 9 trang 119 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  Diện tích hình vuông là S = 12.12 = 144 cm2  Theo đề bài ta có:  Giải bài 9 trang 119 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  Vậy x = 8 cm.  **Bài 10 trang 119 SGK**    Giả sử tam giác vuông ABC có cạnh huyền là a và hai cạnh góc vuông là b, c.  Diện tích hình vuông dựng trên cạnh huyền a là a2  Diện tích các hình vuông dựng trên hai cạnh góc vuông b, c lần lượt là b2, c2.  Tổng diện tích hai hình vuông dựng trên hai cạnh góc vuông b, c là b2 + c2.  Theo định lí Pitago, tam giác ABC có: a2 = b2 + c2  Vậy: Trong một tam giác vuông, tổng diện tích của hai hình vuông dựng trên hai cạnh góc vuông bằng diện tích vuông dựng trên cạnh huyền. |
| **DIỆN TÍCH TAM GIÁC – LUYỆN TẬP**  **I. Diện tích tam giác**  **\* Định lí**   |  |  | | --- | --- | | **Diện tích tam giác bằng nửa tích của một cạnh với chiều cao tương ứng với cạnh đó.** |  |   **Bài 17 trang 121 SGK**  Cho tam giác AOB vuông tại O với đường cao OM (h.131). Hãy giải thích vì sao ta có đẳng thức AB.OM = OA.OB    **Bài 18 trang 121 SGK**  Cho tam giác ABC và đường trung tuyến AM (h.132). Chứng minh: SAMB = SAMC    **II. Luyện tập**  **Bài 21 trang 122 SGK**  Tính x sao cho diện tích hình chữ nhật. ABCD gấp ba lần diện tích tam giác ADE (h.134).    **Bài 24 trang 123 SGK**  Tính diện tích của một tam giác cân có cạnh đáy bằng a và cạnh bên bằng b. | **Bài 17 trang 121 SGK**  Ta có cách tính diện tích ΔAOB với đường cao OM và cạnh đáy AB:  Giải bài 17 trang 121 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  Ta lại có cách tính diện tích ΔAOB vuông với hai cạnh góc vuông OA, OB là:  Giải bài 17 trang 121 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  **Bài 18 trang 121 SGK**    Kẻ đường cao AH.  Ta có:  Giải bài 18 trang 121 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  Mà BM = CM (vì AM là trung tuyến)  ⇒ SAMB = SAMC (đpcm).  **Bài 21 trang 122 SGK**  Ta có AD = BC = 5cm  Diện tích ΔADE:  Giải bài 21 trang 122 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  Diện tích hình chữ nhật ABCD:  SABCD = 5x  Theo đề bài ta có:  SABCD = 3SADE ⇔ 5x = 3.5 ⇔ x = 3.  Vậy x = 3cm  **Bài 24 trang 123 SGK**    Gọi AH là đường cao của tam giác ABC cân tại A, AH = h  Suy ra AH cũng là đường trung tuyến  Nên BH = HC =  Áp dụng định lí Pitago trong tam giác ACH vuông tại H, ta có:    Diện tích tam giác ABC cân tại A |
| **Bài tập khuyến khích học sinh làm**  Bài 14 SGK trang 119  Bài 25 SGK trang 123 | |

**SÁCH GIÁO KHOA**

























